TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/DS-PT
Ngày: 25 - 5 - 2020
V/v "Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Vũ Tường Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*" . Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1954 và bà Đoàn Nguyệt T, sinh năm 1956; Đều có mặt.

Địa chỉ: Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh H, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; Đều vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ: Anh Võ Trí T1, sinh năm 1984; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn L, sinh năm 1976; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp 10 B, xã T H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T trình bày:***

Ngày 08.01.2007 (âm lịch) ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng cho ông bà 02 công đất trồng lúa, có chiều ngang 14,5 mét, chiều dài từ giáp đất ông H1 đến giáp đất bà L1, giá 08 chỉ vàng 24k/công. Ông bà đã giao đủ 16 chỉ vàng cho ông H, bà Đ, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có viết giấy tay, có chính quyền Ấp 9 C xác nhận ngày 24.02.2007, tại thời điểm này do em Võ Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông C và ông H viết giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tờ giao kèo chuyển nhượng đất) và giao vàng xong, ông C và ông H ra đo đất đóng nọc ranh. Đến năm 2008 ông H kêu máy cuốc múc vuông, trước khi máy cuốc múc vuông thì ông C và ông H phóng ranh đất và tiến hành múc vuông nuôi tôm, ranh đất giữa ông C với ông H là bờ vuông, mỗi người 1/2 bờ, từ đó anh em canh tác đất đến khoảng 2 năm sau mới cắm trụ đá (ông C cắm trụ ranh giáp với đất bà L1, ông H cắm trụ ranh giáp với đất ông H1), hiện nay vẫn còn hai trụ đá ranh này. Từ năm 2007 đến nay chưa tách sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đất thì ông bà đã canh tác từ 2007 đến nay.

Trước khi nhận chuyển nhượng và cho đến ngày nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 công đất của ông H, bà Đ thì ranh đất giữa ông bà và ông H, bà Đ ổn định, không có tranh chấp. Ông bà xác định không lấn chiếm đất như lời trình bày của bà Đ.

Nay ông C, bà T yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà với vợ chồng ông H, bà Đ lập ngày 08.01.2007 (âm lịch), diện tích là 02 công (công tầm 03 mét) đất trồng lúa, có chiều ngang 14,5 mét, chiều dài từ giáp đất ông H1 đến giáp đất bà L1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đ, vì ông bà không lấn chiếm đất của ông H, bà Đ.

**** Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn do bà Nguyễn Thị Đ đại diện trình bày:***

Ngày 08.01.2007 (âm lịch) vợ chồng bà có thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông C, bà T 02 công đất, giá 08 chỉ vàng 24k/công. Bà đã nhận đủ 16 chỉ vàng. Việc chuyển nhượng đất có viết giấy tay, vợ chồng bà cùng ký tên và có chính quyền Ấp 9 C xác nhận ngày 24.02.2007, chồng bà là ông H đo giao 02 công đất cho ông C, còn bà thì đem hai đoạn cây tràm cho cắm làm trụ ranh. Hai cây trụ đá hiện nay là do

ông C tự cắm. Ranh đất giữa bà với ông C là bờ vuông nuôi tôm, mỗi người 1/2 bờ (trên bờ hiện có một đường khuyết chạy dọc theo bờ). Lúc múc bờ vuông (bờ ranh) hiện nay có mặt ông C và ông H. Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì đất này do em Võ Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 02/07/2007 em Long lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H, đến ngày 04/01/2008 Văn phòng đăng ký đất đai huyện A M điều chỉnh lại cho ông H đứng tên (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 067333) diện tích 14.809,8 m^2.

Trong quá trình sử dụng đất đến tháng 03/2017 bà phát hiện phía bà T, ông C lấn chiếm qua đất của bà có chiều ngang mặt tiền 8,75 mét, chiều ngang hậu 8,6 mét, dài 178,8 mét bằng 1.551 m^2, bà có yêu cầu ông C, bà T giao trả lại nhưng ông C, bà T không chấp nhận.

Nay bà yêu cầu đo đất trồng lúa giao cho bà đủ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 14.809,8 m^2; yêu cầu ông C, bà T trả lại cho bà phần đất lấn chiếm có chiều ngang mặt tiền 8,75 mét, chiều ngang hậu 8,6 mét, dài 178,8 mét bằng 1.551 m^2. Bà thống nhất tách sang tên cho ông C, bà T 02 công đất đã chuyển nhượng theo yêu cầu của ông C, bà T.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn L trình bày:***

Cha của anh là ông Võ Văn X có cho ông H diện tích đất trồng lúa là 10 công tầm 3 mét, chiều dài một bên giáp với đất ông C, một bên giáp với đất ông X (nay là đất của anh), chiều ngang anh không biết bao nhiêu mét. Việc ông H chuyển nhượng 02 công đất cho ông C và cắm ranh đất anh không chứng kiến. Ủy ban nhân dân huyện A M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh đứng tên nhưng thực tế là đất của ông H do ông X tặng cho, lúc đăng ký làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H không có mặt tại địa phương nên ông X kêu anh đứng tên giùm cho ông H. Anh không lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông H, còn phía ông H, bà Đ làm thủ tục như thế nào mà được thay đổi tên thì anh không biết.

Anh L khẳng định ông X chỉ cho ông H 10 công đất trồng lúa và bản vẽ cấp diện tích 14.809,8 m^2 đất trồng lúa là không đúng với thực tế. Anh yêu cầu ông H, bà Đ tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà T 02 công đất đã chuyển nhượng, còn việc bà Đ yêu cầu đo đất lúa giao cho bà đủ theo giấy diện tích 14.809,8 m^2 thì anh không đồng ý. Riêng thủ tục tặng cho đất đối với ông H, anh cũng không yêu cầu gì mà có ý kiến muốn anh em thỏa thuận và đoàn kết với nhau.

**** Tại bản án dân sự số 62/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A M quyết định***:

Chấp nhận yêu cầu của Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T đối với ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T với ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ lập ngày 08.01.2007 (âm lịch). Buộc ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ lập thủ tục sang tên Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T, diện tích đo thực tế 2.583,6 m^2, theo tờ trích đo địa chính số: 163 - 2019 ngày 09/8/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A M. Hướng Đông Bắc: giáp đất ông Đặng Tấn H1 điểm 5, 7 bằng 14,4 mét; hướng Đông Nam: giáp đất ông Võ Thanh H điểm 7, 8 bằng 178,83 mét; hướng Tây Bắc: giáp đất tranh chấp giữa ông C, bà T với ông H, bà Đ điểm 5, 6 bằng 178,8 mét; hướng Tây Nam: giáp đất bà Võ Thị L1 điểm 6, 8 bằng 14,5 mét. Thuộc thửa đất số 29a, tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00070 ngày 22/4/2005 do ông Võ Văn L đứng tên, ngày 04/01/2008 chỉnh lý, do ông Võ Thanh H đứng tên. Tọa lạc tại Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

Bác yêu cầu phản tố của ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ đối với Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1.550,8 m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/12/2019, bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo với nội dung: Yêu cầu công nhận diện tích đất 14.809,8m^2 thuộc thửa 29a, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Buộc nguyên đơn trả lại cho ông bà diện tích đất đã chiếm dụng (phần đất giáp ranh) chiều ngang mặt tiền 8,75m; chiều ngang sau hậu 8,6m; chiều dài 178,8m; tổng diện tích 1.551m^2 thuộc thửa 29a, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm*:**

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ là anh Võ Trí T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị hướng giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh H và bà

Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 62/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu công nhận diện tích đất 14.809,8m^2 thuộc thửa 29a, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Buộc nguyên đơn trả lại cho ông bà diện tích đất đã chiếm dụng (phần đất giáp ranh) chiều ngang mặt tiền 8,75m; chiều ngang sau hậu 8,6m; chiều dài 178,8m; tổng diện tích 1.551m^2 thuộc thửa 29a, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 08.01.2007 (âm lịch) ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T, diện tích 2,0 công (công tầm 3 mét), loại đất trồng lúa, có chiều ngang 14,5 mét, chiều dài từ giáp đất ông H1 đến giáp đất bà L1, giá 08 chỉ vàng 24k/công. Các bên đã thanh toán xong và có lập giấy tay, được chính quyền Ấp 9 C xác nhận ngày 24.02.2007. Trong quá trình ông C, bà T và ông H, bà Đ sử dụng đất cho đến ngày 08.01.2007 (âm lịch) các bên không tranh chấp ranh, khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên có xác định ranh đất và phía ông H, bà Đ tiến hành đo, giao đất chuyển nhượng cho ông C, bà T, khi đó hai bên cũng đã xác định ranh đất trước và sau chuyển nhượng. Tại thời điểm máy cuốc múc vuông nuôi tôm thì có mặt ông H, bà Đ, ông C, bà T, thời điểm đó cũng không tranh chấp. Căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 1.550,8m^2 giữa ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ với Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T thuộc số thửa 29b, số tờ bản đồ 2, diện tích 13.000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000246/QSDĐ ngày 04/6/2003 do Ông Võ Văn C đứng tên.

Do đó, việc ông H và bà Đ cho rằng trong quá trình sử dụng đất, bà T và ông C đã lấm chiếm là không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T với ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ lập ngày 08.01.2007 (âm lịch), buộc ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ lập thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T, diện tích đo thực tế 2.583,6m^2. Bác yêu cầu phản tố của ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với nguyên đơn Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T đối với diện tích đất 1.550,8m^2 là có căn cứ,

phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 62/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí: Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí do đó bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 62/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng:

Điểm a khoản 1 Điều 99, Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 129, Điều 288, khoản 1 Điều 358, Điều 415, Điều 500 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T với ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ lập ngày 08-01-2007 (âm lịch).

1.2. Buộc ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ lập thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T, diện tích đo thực tế 2.583,6m^2.

Theo tờ trích đo địa chính số: 163 - 2019 ngày 09/8/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A M.

Có các cạnh cụ thể:

Hướng Đông Bắc giáp đất ông Đặng Tấn H1 điểm 5, 7 = 14,4m;

Hướng Đông Nam giáp đất ông Võ Thanh H điểm 7, 8 = 178,83m;

Hướng Tây Bắc giáp đất tranh chấp giữa ông C và bà T với ông H và bà Đ điểm 5, 6 = 178,8m;

Hướng Tây Nam giáp đất bà Võ Thị L1 điểm 6, 8 = 14,5m.

Thuộc thửa đất số 29a, tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00070 ngày 22/4/2005 do ông Võ Văn L đứng tên, ngày 04/01/2008 chỉnh lý, do ông Võ Thanh H đứng tên, đất tọa lạc tại Ấp 9 C, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với nguyên đơn Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T đối với diện tích đất diện tích đất 1.550,8m^2 thuộc số thửa 29b, số tờ bản đồ 2, diện tích 13.000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000246/QSDĐ ngày 04/6/2003 do Ông Võ Văn C đứng tên.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Đ 1.008.150 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000418 ngày 24/7/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0007567 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ông Võ Văn C, bà Đoàn Nguyệt T 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000182 ngày 08/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu lệ phí thu thập chứng cứ là 250.000 đồng đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền phí, lệ phí số: 0078080 ngày 11/4/2019 và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.536.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0027715 ngày 17/5/2017 và số: 0000227 ngày 12/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A M. Nguyên đơn Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T đã nộp tạm ứng, nên buộc bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Đ phải hoàn trả lại cho nguyên đơn Ông Võ Văn C và bà Đoàn Nguyệt T số tiền 5.536.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang (2);
- Các đương sự;
- TAND huyện A M (2)
- Chi cục THADS huyện A M;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo